Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 30.11.2018 14:27:29 +07:00

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41 /2018/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2018*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Giờ ....c.. Ngày ...22/11.....
Kính chuyển: .....TTĐT.....

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...c.....
Ngày: .22/11.....

THÔNG TƯ

Quy định về danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.

Điều 1. Ban hành Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

1. Ban hành Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục phế liệu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng đối với trường hợp kinh doanh chuyển khẩu theo hình thức hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, không qua cửa khẩu Việt Nam.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những lô hàng phế liệu đã làm thủ tục hải quan tạm nhập, chuyển khẩu trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được tiếp tục thực hiện tái xuất, chuyển khẩu theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5

năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và các quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương để xử lý./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí Thư, Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Viện KSND tối cao, Toà án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, XNK(10).

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC
DANH MỤC PHẾ LIỆU TẠM NGỪNG KINH DOANH TẠM NHẬP, TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41 /2018/TT-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các trường hợp liệt kê mã 4 số thì áp dụng quy định của Thông tư đối với toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này.

STT	Mã hàng		Mô tả mặt hàng
1	Chương 25	2520	Thạch cao; thạch cao khan; thạch cao plaster (bao gồm thạch cao nung hay canxi sulphat đã nung), đã hoặc chưa nhuộm màu, có hoặc không thêm một lượng nhỏ chất xúc tác hay chất ức chế.
2	Chương 26	2618	Xỉ hạt (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép
3		2619	Xỉ, xỉ luyện kim (trừ xỉ hạt), vụn xỉ và các phế thải khác từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép.
4		2620	Xỉ, tro và cặn (trừ loại thu được từ quá trình sản xuất sắt hoặc thép), có chứa kim loại, arsen hoặc các hợp chất của chúng.
5	Chương 38	3818	Các nguyên tố hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử, ở dạng đĩa, tấm mỏng hoặc các dạng tương tự, các hợp chất hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử
6	Chương 47	4707	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa)
7	Chương 50	5003	Tơ tằm phế liệu (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế).
8	Chương 51	5103	Phế liệu lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc loại thô, kể cả phế liệu sợi nhưng trừ lông tái chế.
9		5104	Lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc thô tái chế.
10	Chương 52	5202	Phế liệu bông (kể cả phế liệu sợi và bông tái chế).

11	Chương 55	5505	Phế liệu (kể cả phế liệu xơ, phế liệu sợi và nguyên liệu tái chế) từ xơ nhân tạo.
12	Chương 63	6310	Vải vụn, mẩu dây xe, chão bện (cordage), thừng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chão bện (cordage), thừng hoặc cáp, từ vật liệu dệt.
13	Chương 70	7001	Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối.
14	Chương 72	7204	Phế liệu và mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép
15	Chương 74	7404	Phế liệu và mảnh vụn của đồng.
16	Chương 75	7503	Phế liệu và mảnh vụn niken.
17	Chương 76	7602	Phế liệu và mảnh vụn nhôm.
18	Chương 79	7902	Phế liệu và mảnh vụn kẽm.
19	Chương 80	8002	Phế liệu và mảnh vụn thiếc.
20	Chương 81	8101	Phế liệu và mảnh vụn vonfram.
21		8102	Phế liệu và mảnh vụn molypden.
22		8104	Phế liệu và mảnh vụn magie.
23		8108	Phế liệu và mảnh vụn titan.
24		8109	Phế liệu và mảnh vụn xircon.
25		8110	Phế liệu và mảnh vụn antimon.
26		8111	Phế liệu và mảnh vụn mangan.
27		8112	Phế liệu và mảnh vụn crom.